

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 29-5-2019
V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong
hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân

Ông Nguyễn Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CLD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1989 - Chủ Hộ kinh doanh Trường H, địa chỉ: Ấp A, xã An T2, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trương Thị Diễm M, sinh năm 1990. Địa chỉ: k5, phường c, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: 1. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1980 (có mặt)

2. Chị Lâm Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã An TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 6/2017, Hộ kinh doanh Trường H với vợ chồng anh Huỳnh Văn T và chị Lâm Thị H có thỏa thuận mua bán bằng lời nói rằng: Hộ kinh doanh Trường H sẽ cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản, khi anh T và chị H đặt hàng thì hàng hóa sẽ được nhân viên giao hàng chở tận nơi tại kho của anh chị hoặc anh chị lại tận kho của Hộ kinh doanh Trường H nhận hàng. Khi nhận đủ hàng thì phía vợ chồng anh T sẽ ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Cuối mỗi tháng Hộ kinh doanh Trường H gửi bảng đối chiếu công nợ cho vợ chồng anh T kiểm tra và ký xác nhận. Cuối mỗi vụ thu hoạch tôm thì vợ chồng anh T phải thanh toán hết số tiền hàng cho Hộ kinh doanh Trường H. Vợ chồng anh T đặt toa hàng đầu tiên với Hộ kinh doanh Trường H vào ngày 21/6/2017. Trong quá trình mua bán, Hộ kinh doanh Trường H đã cung cấp đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa như hai bên thỏa thuận, sau khi nhận hàng anh T đều ký vào sổ theo dõi và không có ý kiến phản đối hay khiếu nại về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà Hộ kinh doanh Trường H đã giao. Đến ngày 03/7/2018, giữa Hộ kinh doanh Trường H và anh T có ký đối chiếu công nợ, khi đó vợ chồng anh T còn thiếu đối với Hộ kinh doanh Trường H với tổng số tiền là 352.895.000 đồng. Đến ngày 24/8/2018, Hộ kinh doanh Trường H và anh T đã ký kết với nhau hợp đồng mua bán nhằm hợp thức hóa việc mua bán trước đây.

Mặt dù, Hộ kinh doanh Trường H vẫn tiếp tục cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng anh T, nhưng sau khi ký đối chiếu công nợ cũng như ký kết hợp đồng mua bán nhằm hợp thức hóa việc mua bán trước đây giữa hai bên thì anh T không có mua thức ăn và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh Trường H với lý do: Anh T cho rằng nguồn nước chưa tốt. Tuy nhiên, vợ chồng anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cuối mỗi vụ thu hoạch tôm vợ chồng anh T không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Hộ kinh doanh Trường H như thỏa thuận. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 03/7/2018, anh T thừa nhận còn nợ đối với Hộ kinh doanh Trường H số tiền 352.895.000 đồng (*Ba trăm năm mươi hai triệu, tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng*). Hộ kinh doanh Trường H đã nhiều lần yêu cầu thanh toán dứt điểm công nợ nhưng vợ chồng anh T vẫn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, gây nhiều khó khăn, thiệt hại cho Hộ kinh doanh Trường H.

Do vậy, Hộ kinh doanh Trường H đề nghị Tòa án: Buộc vợ chồng anh Huỳnh Văn T và chị Lâm Thị H phải thanh toán nợ cho Hộ kinh doanh Trường H số tiền còn thiếu (nợ gốc) là: 352.895.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 03/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/5/2019), tổng cộng là 10 tháng 26 ngày với số tiền: 31.956.586 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà vợ chồng anh T và chị H phải trả cho Hộ kinh doanh Trường H tính đến ngày 29/5/2019 là: 384.851.586 đồng. Đối với số tiền chiết khấu mà anh T đặt ra thì phía Hộ kinh doanh Trường H không đồng ý. Vì vợ chồng anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán sau mỗi vụ thu hoạch.

Hộ kinh doanh Trường H chỉ thỏa thuận là sau mỗi vụ thu hoạch tôm, vợ chồng anh T phải thanh toán dứt điểm số nợ gốc thì mới được trừ vào số tiền chiết khấu. Số tiền chiết khấu được khấu trừ là 2.000 đồng/01 kilôgam thức ăn và số tiền chiết khấu của vợ chồng anh T khoảng 40.731.000 đồng. Nhưng do vợ chồng anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả dứt điểm số nợ sau mỗi vụ thu hoạch tôm và đến nay cũng chưa thanh toán xong cho Hộ kinh doanh Trường H nên Hộ kinh doanh Trường H không đồng ý trừ số tiền chiết khấu vào số tiền gốc mà vợ chồng anh T còn thiếu. Việc vợ chồng anh T được xem xét tiền chiết khấu tại giai đoạn thi hành án và còn tùy thuộc vào thiện chí trả nợ của vợ chồng anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho Hộ kinh doanh Trường H. Đúng là anh có ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản nêu trên với Hộ kinh doanh Trường H, anh thống nhất hiện nay anh còn thiếu số tiền gốc đối với Hộ kinh doanh Trường H là 352.895.000 đồng. Mỗi vụ khi thu hoạch tôm thì anh đều có trả cho Hộ kinh doanh Trường H nhưng do thu hoạch thất nên anh trả chưa hết. Anh đồng ý thanh toán số tiền lãi suất mà phía Hộ kinh doanh Trường H đặt ra. Tuy nhiên, anh yêu cầu phía Hộ kinh doanh Trường H trừ số tiền chiết khấu khoảng 80.000.000 đồng (mỗi kilôgam thức ăn là 4.000 đồng x 20.000kg = 80.000.000 đồng) mà anh đã mua thức ăn từ hộ kinh doanh Trường H với số lượng khoảng 20 tấn thức ăn vào số tiền vốn gốc mà anh còn thiếu.

Việc thỏa thuận về thời điểm xem xét trừ tiền chiết khấu cho anh đúng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế của anh hiện nay cũng khó khăn nên anh yêu cầu Tòa án xem xét trừ số tiền chiết khấu vào số tiền gốc mà anh còn thiếu đối với Hộ kinh doanh Trường H.

Đối với bị đơn chị Lâm Thị H (vợ của anh Huỳnh Văn T): Từ khi thụ lý vụ án cho đến các lần mở phiên tòa xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CLD phát biểu ý kiến tại phiên tòa:* Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn anh T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn chị Lâm Thị H, tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua xem xét đơn khởi kiện, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cho

thấy: Việc nguyên đơn ông Lê Văn T - Chủ Hộ kinh doanh Trường H yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Huỳnh Văn T và chị Lâm Thị H liên đới thanh toán cho Hộ kinh doanh Trường H số tiền còn thiếu (nợ gốc) là: 352.895.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 03/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Riêng đối với số tiền chiết khấu mà phía bị đơn anh T đặt ra là không có cơ sở để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp A, xã An T2, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CLD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị Lâm Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Vào tháng 6/2017, Hộ kinh doanh Trường H có thỏa thuận sẽ cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản cho anh Huỳnh Văn T. Đến ngày 21/6/2017, Hộ kinh doanh Trường H chính thức cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản cho anh T theo như đã thỏa thuận. Việc thanh toán tiền sẽ thực hiện sau mỗi vụ thu hoạch tôm. Đến ngày 03/7/2018, giữa Hộ kinh doanh Trường H với anh T có ký sổ để đối chiếu công nợ, khi đó anh T còn thiếu đối với Hộ kinh doanh Trường H với số tiền là 352.895.000 đồng. Đến ngày 24/8/2018, Hộ kinh doanh Trường H với anh T đã ký hợp đồng mua bán nhằm hợp thức hóa việc mua bán với nhau trước đây. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu công nợ cũng như ký kết hợp thức hóa hợp đồng thì anh T không có nhu cầu phía Hộ kinh doanh Trường H cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản vì anh T cho rằng nguồn nước chưa đảm bảo. Điều này các bên đương sự đều thừa nhận, xem đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét việc Hộ kinh doanh Trường H yêu cầu chị Lâm Thị H (vợ của anh T) cùng với anh Huỳnh Văn T liên đới thanh toán số tiền nợ gốc và lãi. Hội đồng

xét xử, xét thấy: Việc anh T mua thức ăn và thuốc thủy sản từ Hộ kinh doanh Trường H mục đích để nuôi tôm sú có lời và phục vụ cho kinh tế gia đình, anh T cho rằng vợ anh là chị H biết và đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc cả anh T và chị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho Hộ kinh doanh Trường H là phù hợp theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Huỳnh Văn T thừa nhận: Việc thanh toán dứt điểm tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản cho Hộ kinh doanh Trường H là sau khi kết thúc mỗi vụ thu hoạch tôm. Tuy nhiên, sau khi Hộ kinh doanh Trường H và anh T ký đối chiếu công nợ cũng như sau khi ký hợp thức hóa hợp đồng mua bán thì anh T không còn mua thức ăn và thuốc thủy sản từ phía Hộ kinh doanh Trường H, Hộ kinh doanh Trường H có liên hệ đến gặp anh T để yêu cầu thanh toán số tiền nợ thức ăn còn thiếu nhưng cho đến nay anh T vẫn chưa thanh toán cho Hộ kinh doanh Trường H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 8 Điều 3 và khoản 1 Điều 50 Luật thương mại năm 2005. Cho nên Hộ kinh doanh Trường H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T, chị H thanh toán số nợ gốc 352.895.000 đồng là có cơ sở.

[7] Xét việc Hộ kinh doanh Trường H yêu cầu vợ chồng anh T, chị H thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 03/7/2018, giữa Hộ kinh doanh Trường H và anh T có ký xác nhận công nợ và cho đến thời điểm hiện nay anh T và chị H vẫn chưa thanh toán số nợ gốc. Tại phiên tòa, anh T cũng đồng ý thanh toán tiền lãi suất chậm thanh toán cho Hộ kinh doanh Trường H với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 03/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/5/2019) là 31.956.586 đồng, việc thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Xét yêu cầu của bị đơn anh T về việc yêu cầu phía Hộ kinh doanh Trường H trừ tiền chiết khấu mà anh đã mua thức ăn của Hộ kinh doanh Trường H vào số tiền gốc mà anh còn thiếu với số tiền chiết khấu khoảng 80.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời điểm được xem xét trừ tiền chiết khấu khi vợ chồng anh T, chị H thanh toán dứt điểm số nợ cho Hộ kinh doanh Trường H sau mỗi vụ thu hoạch tôm, điều này các bên đương sự đều thừa nhận. Tuy nhiên, vợ chồng anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán dứt điểm các khoản nợ sau mỗi lần thu hoạch tôm cho Hộ kinh doanh Trường H. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho Hộ kinh doanh Trường H cho rằng số tiền chiết khấu của vợ chồng anh T, chị H đã mua thức ăn tại Hộ kinh doanh Trường H số tiền 40.731.000 đồng, nhưng Hộ kinh doanh Trường H không đồng ý khấu trừ vào số tiền gốc mà vợ chồng anh T, chị H còn thiếu. Với lý do: Vợ chồng anh T chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như đã thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của anh T là không có cơ sở để chấp nhận.

[9] Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn vợ chồng anh T, chị H và cần buộc anh T và chị H liên đới thanh toán cho ông Lê Văn T - Chủ Hộ kinh doanh Trường H với tổng số tiền là 384.851.586 đồng (trong đó, tiền vốn là

352.895.000 đồng, tiền lãi 31.956.586 đồng).

[10] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Các Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T - Chủ Hộ kinh doanh Trường H đối với bị đơn vợ chồng anh Huỳnh Văn T và chị Lâm Thị H.

Buộc bị đơn vợ chồng anh Huỳnh Văn T và chị Lâm Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Lê Văn T - Chủ Hộ kinh doanh Trường H số tiền là 384.851.586 đồng (Ba trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi một ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng), trong đó: Tiền vốn gốc là 352.895.000 đồng, tiền lãi 31.956.586 đồng.

2 / Về án phí:

- Bị đơn vợ chồng anh Huỳnh Văn T và chị Lâm Thị H phải liên đới chịu 19.242.579 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Lê Văn T - Chủ Hộ kinh doanh Trường H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 9.188.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006032 ngày 28/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung.

3/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ông Lê Văn T - Chủ Hộ kinh doanh Trường H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng anh Huỳnh Văn T và chị Lâm Thị H còn phải trả lãi cho ông Lê Văn T - Chủ Hộ kinh doanh Trường H theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với bị đơn chị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản

bán được niềm yếu để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua